Câu 26: Một hình vuông có chu vi 8000mm thì cạnh của hình vuông là:

A. 32m B. 20m C. 320m D. 2m

Câu 27: So sánh 5ha 35dam^2 và 53500m^2:

A. 5ha 35dam^2 = 53500m^2 B. 5ha 35dam^2 > 53500m^2 C. 5ha 35dam^2 < 53500m^2

Câu 28: Một hộp bút có $\frac{70}{100}$ số bút màu đỏ, $\frac{25}{100}$ số bút màu vàng, còn lại là bút màu xanh.

Hỏi bút màu xanh chứa bao nhiêu phần trăm số bút của hộp ?

A. $\frac{15}{100}$ B. $\frac{5}{100}$ C. $\frac{25}{100}$ D. $\frac{35}{100}$

Câu 29: Tìm số để điền vào ô trống: 600dam^2 200m^2 = $6\frac{1}{\square}$ ha

A. 30 B. 40 C. 50 D. 60

Câu 30: Một hình vuông có cạnh bằng $1\frac{1}{2}$ m thì diện tích là:

A. $1\frac{1}{4}$ m^2 B. $3\frac{1}{4}$ m^2 C. $5\frac{1}{4}$ m^2 D. $2\frac{1}{4}$ m^2

Câu 31: Tìm số để điền vào ô trống: $\square\ \frac{1}{3} : 2\frac{3}{5} = 1\frac{2}{3}$.

A. 4 B. 2 C. 3 D. 1

Câu 32: $\frac{4}{5}$ số sách trên bàn là 16 quyển. Hỏi trên bàn có mấy quyển sách ?

A. 15 B. 20 C. 25 D. 30

Câu 33: Viết kết quả phép tính $\frac{1}{4} + \frac{9}{20}$ thành số thập phân mẫu bằng 10:

A. $\frac{3}{10}$ B. $\frac{1}{10}$ C. $\frac{7}{10}$ D. $\frac{9}{10}$

Câu 34: $\frac{4}{5}$ của $6\frac{2}{3}$ m là:

A. $15\frac{1}{3}$ m B. $25\frac{1}{3}$ m C. $10\frac{1}{3}$ m D. $5\frac{1}{3}$ m

Câu 35: Viết $27\frac{1}{2}$ m dưới dạng số đo dam:

A. $2\frac{3}{4}$ dam B. $1\frac{3}{4}$ dam C. $3\frac{3}{4}$ dam D. $5\frac{3}{4}$ dam

Thư viện tiểu học - Ươm mầm tương lai

Câu 36: Tìm x biết: $5\frac{3}{7} - x = 2\frac{1}{3}$.

A. $x = \frac{63}{21}$ B. $x = 3\frac{2}{21}$ C. $x = \frac{62}{21}$ D. $x = 2\frac{2}{21}$

Câu 37: Tìm hai số tự nhiên a và b biết: a+b = 8 và phân số $\frac{a}{b} = \frac{1}{3}$

A. a = 3 và b = 5 C. a = 2 và b = 6

B. a = 1 và b = 7 D. a = 14 và b = 6

LIVEWORKSHEETS